

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU TÂN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 931/CSTB-TCKT

Tây Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

- Mã chứng khoán: RTB

- Địa chỉ/Address: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại liên hệ: (0276) 3875266

Fax: (0276) 3875307

- E-mail: tbrc@tabiruco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết họp HĐQT Công ty Cổ phần cao su Tân Biên quý III/2022 ngày

11/8/2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2022 tại đường dẫn: <http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu đính kèm:

Nghị quyết số 177/NQ-HĐQT CSTB
ngày 11/8/2022, tờ trình số 929/TTr-CSTB
ngày 9/8/2022

Người được ủy quyền Công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Trần Thiên Phúc

Số: 177 /NQ-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 11 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Họp Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên Quý III/2022

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-HĐQTCSTB ngày 15/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Tân Biên về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty cổ phần cao su Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-HĐQTCSTB ngày 24/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) của Công ty CP Cao su Tân Biên;

Căn cứ Biên bản số 176/BB-HĐQTCSTB ngày 10/8/2022 của HĐQT Công ty CP cao su Tân Biên.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, với một số chỉ tiêu chính như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 06 tháng còn lại 2022	Ước thực hiện 2022	So sánh	
						TH 06 tháng/ KH năm 2022	UTH Năm 2022/ KH năm 2022
1. Sản lượng cao su khai thác. <i>Trong đó:</i>	tấn	3.120	1.715	1.470	3.186	54,9%	102,1%
- Sản lượng Cty tự khai thác	tấn	2.399	1.009	1.456	2.465	42%	102,7%
- Sản lượng nhượng bán quyền khai thác	tấn	721	706	15	721	97,9%	100%
2. Cao su thu mua	tấn	1200	812	588	1.400	67,6%	116,6%
3. Cao su chế biến	tấn	3.599	1.766	2.048	3.813	49%	105,9%
4. Cao su tiêu thụ	tấn	11.000	8.525	6.347	14.871	77,5%	135,2%
+ Xuất khẩu và UTXK	tấn	4.200	3.286	3.331	6.617	78,2%	157,5%
+ Nội tiêu	tấn	6.800	5.239	3.015	8.254	77%	121,3%
5. Doanh thu và lợi nhuận							
a. Tổng doanh thu	Triệu đồng	530.010	458.799	266.902	725.701	86,5%	136,9%

CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện 06 tháng còn lại 2022	Ước thực hiện 2022	So sánh	
						TH 06 tháng/ KH năm 2022	UTH Năm 2022/ KH năm 2022
b. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	121.900	116.498	23.124	139.621	95,5%	114,5%
c. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	97.520	93.858	18.810	112.668	96,2%	115,5%
6. Lao động, Tiền lương							
- Lao động bình quân	Người	1.179	903	915	915	76,6%	77,6%
- Tổng quỹ lương	Triệu đồng	77.954	29.378	48.576	77.954	37,7%	100%
- Lương bình quân	Trđồng/ người/ tháng	5,51	5,4	8,8	7,1	98,4%	128,8%

Điều 2. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất Quý II năm 2022 và Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất bán niên năm 2022 đã được soát xét của Công ty CP cao su Tân Biên.

Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất Quý II và Báo cáo tài chính Riêng, Hợp nhất bán niên năm 2022 của Công ty đã được đăng trên website: www.tabiruco.vn chính thức của Công ty và công bố thông tin theo đúng quy định.

Điều 3. Thống nhất thông qua Tờ trình số 929/TTr-CSTB ngày 10/8/2022 của Ban điều hành Công ty về việc xin thanh lý cao su để giao trả đất cho địa phương thực hiện công trình: Đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2). Giao Ban điều hành hoàn chỉnh hồ sơ trình Lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt, thỏa thuận để Công ty có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 4. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng nội dung Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- BKS Cty;
- Các Phòng chức năng;
- Lưu: VT. TK.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thị Bích Lợi

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU TÂN BIÊN**

Số: 929/TTr-CSTB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 09 tháng 08 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc xin thanh lý cao su để giao trả đất cho địa phương thực hiện công trình:
Đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)**

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-HĐQTCSVN ngày 19/02/2019 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và thủ tục bàn giao đất về địa phương, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định 7368/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện Tân Châu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 8423/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban Nhân dân huyện Tân Châu về việc bồi thường hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng thực hiện Công trình: Đường ĐT.794 (đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn) - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Công văn số 413/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 15/7/2022 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận chủ trương bàn giao đất về địa phương để thực hiện Công trình: Đường ĐT.794 (đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn) - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Nghị quyết số 161/NQ-HĐQT CSTB ngày 25/07/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên về việc thống nhất chủ trương bàn giao đất về địa phương để thực hiện công trình: Đường ĐT.794 (đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thanh lý tài sản ngày 01/08/2022.

Tổng Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên phê duyệt thanh lý cao su để giao trả đất cho địa phương thực hiện công trình: Đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2), cụ thể như sau:

1. Số liệu tài sản vườn cây thanh lý theo sổ sách kế toán (Đến hết ngày 30/6/2022).

1.1. Vườn cây cao su KTCB

- + Diện tích: 2,596950 ha.
- + Nguyên giá: 44.189.957 đồng.
- + Đã khấu hao: 0 đồng.

- + Giá trị còn lại: 44.189.957 đồng.
+ Nguồn vốn: Vốn điều lệ
(Chi tiết đính kèm tại Biểu 1)

1.2. Vườn cây cao su kinh doanh

- + Diện tích: 2,236160 ha.
+ Nguyên giá: 107.103.990 đồng.
+ Đã khấu hao: 669.390 đồng.
+ Giá trị còn lại: 106.434.600 đồng.
+ Nguồn vốn: Vốn điều lệ
(Chi tiết đính kèm tại Biểu 1)

2. Giá trị thu hồi: Thực hiện theo Công văn số 413/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 15/7/2022 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các quy định hiện hành.

Kính trình Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên xem xét phê duyệt để đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- HĐQT (kính trình);
- Lưu: VT, KHĐT.



Trần Văn Toàn

BIỂU MẪU 01: BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU THANH LÝ

(Đính kèm theo Tờ trình số 09/TTr-CSTB ngày 09 tháng 08 năm 2022)

ĐVT : đồng

STT	Tên lô	Năm trồng	Diện tích cao su thanh lý (m2)	Số cây cao su	Diện tích vườn cây cao su thanh lý (ha)	Nguyên giá	Khấu hao đến hết ngày 30/6/2022	Giá trị còn lại đến hết ngày 30/6/2022			Ghi chú
								Tổng cộng	Nguồn vốn		
									Điều lệ	Tín dụng	
I.	Vườn cây kinh doanh		22.361,60	795	2,236160	107.103.990	669.390	106.434.600	106.434.600	-	
1.	Vườn cây năm trồng 2014		22.361,60	795	2,236160	107.103.990	669.390	106.434.600	106.434.600	-	
	F59	2014	6.806,00	310	0,680600	41.763.820	261.020	41.502.800	41.502.800	-	Số thửa 4, Tờ bản đồ số 51
	F59	2014	5.460,40	60	0,546040	8.083.320	50.520	8.032.800	8.032.800	-	Số thửa 48, Tờ bản đồ số 4
	C56	2014	184,60	7	0,018460	943.054	5.894	937.160	937.160		
	B56 (Đ2)	2014	5.431,30	226	0,543130	30.447.172	190.292	30.256.880	30.256.880		Số thửa 20, Tờ bản đồ số 4
	B56 (Đ1)	2014	4.479,30	192	0,447930	25.866.624	161.664	25.704.960	25.704.960		Số thửa 25, Tờ bản đồ số 4
II.	Vườn cây KTCB		25.969,50	472	2,596950	44.189.957	-	44.189.957	44.189.957	-	
1.	Vườn cây năm trồng 2015		7.707,70	190	0,770770	18.590.930	-	18.590.930	18.590.930	-	
	N72	2015	4.896,40	137	0,489640	13.405.039		13.405.039	13.405.039	-	
	P75	2015	2.811,30	53	0,281130	5.185.891		5.185.891	5.185.891	-	
2.	Vườn cây năm trồng 2016		4.916,50	82	0,491650	7.489.135	-	7.489.135	7.489.135	-	
	O73	2016	1.554,10	23	0,155410	2.100.611		2.100.611	2.100.611		
	OP76-77	2016	3.362,40	59	0,336240	5.388.524		5.388.524	5.388.524		
3.	Vườn cây năm trồng 2017		6.587,90	63	0,658790	6.406.581	-	6.406.581	6.406.581	-	
	O74	2017	2.074,70	50	0,207470	5.084.588		5.084.588	5.084.588		
	C57	2017	4.513,20	13	0,451320	1.321.993		1.321.993	1.321.993		
4.	Vườn cây năm trồng 2019		6.757,40	137	0,675740	11.703.312	-	11.703.312	11.703.312	-	
	MN70-71	2019	6.757,40	137	0,675740	11.703.312		11.703.312	11.703.312		
	Tổng Cộng		48.331,10	1.267	4,833110	151.293.947	669.390	150.624.557	150.624.557	0	

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]